

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1033/2018/QĐST-VHNGĐ**

B, ngày 03 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1634/2018/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

01/Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1964.

HKTT: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

02/Bà **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1964.

HKTT: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T, bà T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Diễm M, sinh ngày 04/2/1989 và cháu **Nguyễn Thanh Mai V, sinh ngày 26/5/2001. Ly hôn, do cháu M đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu V, ông bà thoả thuận giao cháu V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng**

đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời ông T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đồng/tháng/cháu.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được ngăn cản.

Khi điều kiện thay đổi các bên được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về lệ phí HNGĐ: Ông T và bà T tự nguyện nộp 300.000đồng án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng lệ phí ông T và bà T đã nộp tại biên lai thu số 007944 ngày 05/7/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.B;
- THA DS TP.B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Trí